TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Phạm Hoàn Thiện
2/ Ông Lê Văn Trưởng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:56/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 2002
HKTT: Thôn N, xã T, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã S, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).
- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1998; Trú tại: Thôn C, xã P, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Vào năm 2020, chị T và anh Đỗ Văn Q kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk), hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống bình thường, tuy nhiên đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do anh Q trai gái về nhà chửi mắng vợ con, nhiều lần gia đình hai bên có hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được, từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đỗ Phúc H, sinh ngày 12/7/2020, đã bị đuối nước chết ngày 19/7/2022, ngoài ra không còn người con chung nào khác.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo lời trình bày của bà Phạm Thị T1 (là mẹ đẻ anh Đỗ Văn Q) trình bày có nội dung: Anh Q và chị Nguyễn Thị Mỹ T kết hôn năm 2020, sau đó sinh sống cùng gia đình bà T1, tuy nhiên được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, kình cãi và cách đây 02 năm không còn chung sống với nhau mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Bà T1 có nhận các giấy triệu tập, các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh Q biết việc chị T làm đơn xin ly hôn nhưng anh Q đang làm ăn xa nên không về Tòa giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Đắk Lắk) nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Q và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vắng mặt và Tòa án đã tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nêu quan điểm giải quyết vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Đỗ Văn Q; Về con chung không có nên đề nghị Tòa không xét. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Đỗ Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt, đối với chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Đỗ Văn Q tự nguyện tìm hiểu kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau. Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13) nhiều lần đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn nhưng anh Q không đến Tòa để thể hiện thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh Q.

[3]Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Đỗ Văn Q có một con chung tên Đỗ Phúc H, sinh ngày 12/7/2020, đã bị đuối nước chết ngày 19/7/2022, ngoài ra không còn người con chung nào khác nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Đỗ Văn Q.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Đỗ Văn Q có một con chung tên Đỗ Phúc H, sinh ngày 12/7/2020, đã bị đuối nước chết ngày 19/7/2022, ngoài ra không có con chung nào khác nên Tòa không xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST. Được khấu trừ số tiền chị T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005307 ngày 28/5/2025 của cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13, Đắk Lắk).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 13- Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Phú Hòa 1;
(Số 31/2020 ngày 03/6/2020)
- Lưu hồ sơ. **Lê Thị Thúy Sơn**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA